

# NGHIÊN CỨU NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH CỦA MỘT SỐ DOANH NGHIỆP XANH Ở VIỆT NAM

## RESEARCH FACTORS AND PROPOSED SOLUTIONS TO IMPROVE THE EFFICIENCY OF USE OF BUSINESS CAPITAL OF SOME GREEN BUSINESSES IN VIETNAM

Lê Mạnh Thắng<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Bích Ngọc<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Phòng Công tác sinh viên, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

<sup>2</sup>Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 10/03/2022, chấp nhận đăng ngày 28/04/2022

**Tóm tắt:** Doanh nghiệp xanh (Green Business) là doanh nghiệp không gây ra tác động tiêu cực đối với môi trường địa phương hoặc trái đất, đối với cộng đồng hay nền kinh tế. Doanh nghiệp xanh đặc biệt cuốn hút người tiêu dùng vì các doanh nghiệp này nổi tiếng bởi sự quan tâm bảo vệ nguồn tài nguyên môi trường, đảm bảo đời sống của người lao động và những nhà cung cấp của họ, đồng thời liên tục cải thiện cách tiếp cận để hướng tới sự bền vững và giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp xanh, các nhà quản trị phải tiến hành phân tích những nhân tố ảnh hưởng tới vốn kinh doanh, để từ đó tăng hiệu quả sử dụng vốn kinh của mình. Kết quả nghiên cứu được kỳ vọng sẽ chỉ ra được đâu là nhân tố quan trọng quyết định tới vốn kinh doanh của doanh nghiệp xanh. Từ đó tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả vốn của doanh nghiệp này.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp xanh, hiệu quả, vốn kinh doanh.

**Abstract:** Green Business is a business that does not have a negative impact on the local environment or the earth, on the community or on the economy. Green businesses are especially attractive to consumers because they are famous for their concern about protecting environmental resources, ensuring the lives of workers and their suppliers, and continuously improving. improve the approach towards sustainability and reduce the impact on the environment. To improve the performance of green businesses, managers must analyze the factors affecting business capital, thereby increasing the efficiency of using their business capital. The research results are expected to show what is an important factor determining the businesses. From there, find a solution to improve the capital efficiency of this business.

**Keywords:** Green Business, effective, business capital.

### 1. GIỚI THIỆU

Doanh nghiệp xanh hay doanh nghiệp bền vững trong tiếng Anh được gọi là Green Business hay Sustainable Business. Doanh nghiệp xanh là doanh nghiệp không gây ra tác động tiêu cực đối với môi trường địa phương

hoặc trái đất, đối với cộng đồng hay nền kinh tế.

Doanh nghiệp xanh hoạt động có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng, tập trung vào việc thực hiện những qui tắc và thông lệ có lợi cho người lao động, cộng đồng và trái đất.

Doanh nghiệp xanh đặc biệt cuốn hút người tiêu dùng vì các doanh nghiệp này nổi tiếng bởi sự quan tâm bảo vệ nguồn tài nguyên môi trường, đảm bảo đời sống của người lao động và những nhà cung cấp của họ, đồng thời liên tục cải thiện cách tiếp cận để hướng tới sự bền vững và giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường. Trở thành doanh nghiệp xanh không phải là sự thay đổi một lần mà là nỗ lực thường xuyên cần sự học hỏi và cải thiện không ngừng. Mục tiêu của kinh doanh xanh là loại bỏ bất kỳ tác động tiêu cực nào đến môi trường, trên phạm vi địa phương và toàn cầu. Một doanh nghiệp xanh thực hiện một cách tiếp cận chủ động để giảm thiểu chất thải, giảm lượng khí thải carbon và tránh bất kỳ hoạt động có hại nào.

Một doanh nghiệp được coi là doanh nghiệp xanh nếu cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ xanh và/hoặc có quy trình sản xuất xanh. Các sản phẩm và dịch vụ xanh là những sản phẩm thân thiện với môi trường, sử dụng nguồn lực hiệu quả và giảm thiểu chất thải. Mặt khác, các doanh nghiệp cải tiến quy trình sản xuất để tiêu tốn ít năng lượng và chất liệu, ít lãng phí và phát thải cũng được xem là doanh nghiệp xanh. Ngoài ra, doanh nghiệp xanh còn là doanh nghiệp tạo ra một môi trường làm việc và hệ thống phúc lợi tốt cho người lao động.

#### ***Vai trò của doanh nghiệp xanh hiện nay***

*Thứ nhất*, vai trò của doanh nghiệp xanh đối với việc cải thiện chất lượng môi trường sống hiện tại và tương lai. Sự gia tăng suy thoái của tài nguyên thiên nhiên, và biến đổi khí hậu đang trở thành mối quan tâm trên toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Do đó, mối quan tâm của cộng đồng về ô nhiễm được tăng cao và nhu cầu sử dụng các sản phẩm xanh, sạch cũng tăng thêm.

*Thứ hai*, vai trò của doanh nghiệp xanh không

chỉ dừng lại ở khuôn khổ tự cải thiện mình theo hướng ngày càng xanh hóa mà còn là đóng vai trò quan trọng trong việc phối kết hợp với cộng đồng để cải thiện môi trường sống chung.

*Thứ ba*, doanh nghiệp xanh không những thực hiện tốt hoạt động bảo vệ môi trường tại các nhà máy sản xuất sản phẩm của mình, mà còn đầu tư khoản lớn kinh phí để hỗ trợ cộng đồng, chính quyền địa phương tham gia cùng cải thiện chất lượng môi trường sống. Doanh nghiệp có thực lực kinh tế, chính quyền có năng lực điều hành và quản lý. Còn cộng đồng thì có sức mạnh của tập thể. Do đó phải có sự kết hợp chặt chẽ 3 thành viên này trong hoạt động phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

*Thứ tư*, các doanh nghiệp xanh thành công không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn góp phần quảng bá cho thương hiệu của họ. Phát triển một doanh nghiệp thân thiện với môi trường mang lại những lợi ích to lớn cho các chủ doanh nghiệp, những người đang mong muốn kiểm soát chi phí, thu hút khách hàng và kinh doanh có trách nhiệm hơn với xã hội và cộng đồng. Nhu cầu về các sản phẩm hoặc dịch vụ thân thiện với môi trường và sinh thái ngày càng tăng và do vậy, thị trường đang phát triển theo hướng mở rộng cả về phạm vi và về cơ hội đối với các doanh nghiệp hoạt động theo hướng xanh và phát triển bền vững.

Tiêu chí đánh giá. Để một doanh nghiệp được đánh giá “doanh nghiệp xanh” cần phải dựa vào 3 yếu tố, tiêu chí chính bao gồm:

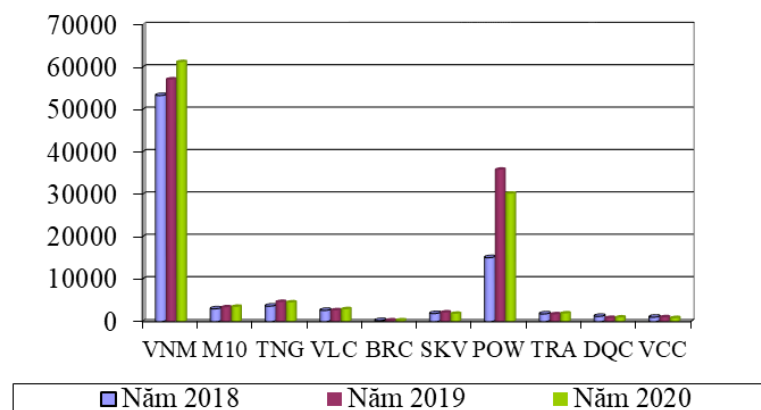
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Tuân thủ các qui chuẩn, tiêu chuẩn môi trường;
- Tuân thủ về hồ sơ quản lý môi trường cùng các vấn đề liên quan khác.

*Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh* là một

phạm trù kinh tế phản ánh trình độ và khả năng sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và mục tiêu tăng trưởng với chi phí vốn tối thiểu trong một khoảng thời gian nhất định.

Về mặt lượng hiệu quả sử dụng vốn là tỷ lệ giữa kết quả do sử dụng vốn mang lại với chi phí bỏ ra. Về mặt chất thì nó phản ánh năng lực và trình độ khai thác, sử dụng và quản lý vốn, làm cho đồng vốn sinh lời tối đa nhằm thực hiện mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là tối đa hóa giá trị tài sản của doanh nghiệp.

#### Doanh thu thuần (tỷ đồng)



Biểu đồ 1. Doanh thu của 10 doanh nghiệp xanh niêm yết năm 2018 -2020

Nguồn: Báo cáo thường niên các công ty Việt Nam năm 2018-2020 [3]

Trong số doanh nghiệp xanh niêm yết, VNM (Vinamilk) là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất với doanh thu năm 2019 đạt 57.126 tỷ đồng, tăng 7,2% so với cùng kỳ. VNM là một trong những doanh nghiệp niêm yết dẫn đầu bởi vốn hóa và nằm trong top những doanh nghiệp có điểm ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị doanh nghiệp) và hoạt động ESG tốt trong hệ thống đánh giá. VNM cũng là một

Hay nói cách khác hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh thể hiện mối tương quan giữa kết quả thu được với chi phí bỏ ra để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Kết quả thu được càng cao so với chi phí vốn bỏ ra thì việc sử dụng Vốn kinh doanh càng có hiệu quả.

Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp xanh là chỉ tiêu biểu hiện một mặt về hiệu quả kinh doanh. Mặt khác nó là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ khai thác, sử dụng và quản lý nguồn lực vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

## 2. KẾT QUẢ KINH DOANH MỘT SỐ DOANH NGHIỆP XANH NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM

hình mẫu phát triển bền vững cho các doanh nghiệp tại Việt Nam.

POW là doanh nghiệp có tỷ lệ tăng trưởng doanh thu lớn nhất năm 2019 với 137,6% so với năm 2018 do các đơn hàng trong năm rất khả quan.

### Phân tích hiệu quả sử dụng vốn thông qua các chỉ tiêu về lợi nhuận

Bảng 1. Tỷ suất sinh lời của 10 doanh nghiệp xanh niêm yết năm 2018-2020

	Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020		
	ROA	ROE	ROS	ROA	ROE	ROS	ROA	ROE	ROS
VNM	28.4	40.79	19.42	25.79	37.79	18.74	23.83	35.02	18.84

	Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020		
	ROA	ROE	ROS	ROA	ROE	ROS	ROA	ROE	ROS
M10	3.77	14.88	1.87	4.3	17.75	2.04	4.15	16.77	1.92
TNG	7.48	25.33	4.99	8.18	24.73	4.99	4.67	13.87	3.43
VLC	7.58	9.49	8.2	5.65	6.97	6.66	9.77	11.83	10.89
BRC	6.49	8.59	7.29	7.31	9.71	7.25	7.5	10.29	7.32
SKV	16.86	27.22	4.18	14.24	27.29	3.88	13.34	27.67	4.7
POW	0.73	1.58	3.88	4.41	8.91	8.07	4.31	7.78	8.96
TRA	10.08	14.04	9.72	9.71	13.79	9.97	12.15	17.1	11.35
DQC	5.11	7.99	7.58	1.69	2.77	3.58	1.09	1.67	1.94
VCC	1.78	8.24	1.25	1.8	9	1.38	0.75	4.1	0.76

Nguồn: Báo cáo thường niên các công ty Việt Nam năm 2018-2020 [3]

Tỷ lệ ROE của doanh nghiệp có sự khác biệt lớn do sự khác biệt chỉ số đòn bẩy tài chính, vòng quay tổng tài sản và lợi nhuận ròng biên. Doanh nghiệp có tỷ lệ ROE cao nhất và thấp nhất là VNM và POW với 40,79% và 1,58%

ROE của VNM đạt mức cao chủ yếu do công ty bổ sung đòn bẩy tài chính, cao là 3, và vòng quay tổng tài sản cũng đạt mức cao nhất là 1,87% chủ yếu so giá trị đầu tư tài sản cố định nhỏ.

ROE SKV đạt 27,67% và chỉ thấp hơn VNM. Đòn bẩy tài chính và biên lợi nhuận ròng đạt mức trung bình của ngành nhưng vòng quay tổng tài sản cao giúp SKV đạt mức ROE cao thứ 2 trong các doanh nghiệp niêm yết.

### 3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH CỦA MỘT SỐ DOANH NGHIỆP XANH NIÊM YẾT

Dựa vào các lý thuyết nghiên cứu trước đây về Vốn kinh doanh, đề tài đã lựa chọn các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh gồm: quy mô doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng, đầu tư tài sản cố định, cơ cấu vốn, rủi ro kinh doanh, thời gian hoạt động.

**Bảng 2. Giả thuyết những nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh**

Biến	Giả thuyết
Quy mô doanh nghiệp	+

Biến	Giả thuyết
Tốc độ tăng trưởng	+
Đầu tư TSCĐ	-
Cơ cấu vốn	+/-
Rủi ro kinh doanh	+/-
Thời gian hoạt động	+

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

**Biến phụ thuộc** ROA là chỉ tiêu thể hiện kết quả tổng hợp của những nỗ lực nhằm sử dụng có một cách hiệu quả các nguồn lực đầu vào cho quá trình sản xuất kinh doanh, là kết quả của việc mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh số và tiết kiệm chi phí... của doanh nghiệp. Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh được đo lường bởi ROA là phương pháp được sử dụng rộng rãi và hữu dụng nhất để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp (Reese and Cool, 1978 và Long and Ravenscraft, 1984, Abdel Shahid 2003). Do đó, trong nghiên cứu này, sử dụng chỉ tiêu tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA) để đại diện cho hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của các doanh nghiệp.

**Biến độc lập:** Dựa trên lý thuyết và các nghiên cứu trước đây, tác giả đưa ra cách xác định các biến độc lập như sau:

**Bảng 3. Tổng hợp đo lường các biến**

Nhân tố	Biến đại diện	Biến
Quy mô doanh nghiệp	Doanh thu thuần	X1
	Tổng tài sản	X2
	Vốn chủ sở hữu	X3
Tốc độ tăng trưởng	Tốc độ tăng trưởng doanh thu	X4
	Tốc độ tăng trưởng tài sản	X5
Đầu tư TSCĐ	Tỷ lệ TSCĐ/TTS	X6
Cơ cấu vốn	Tỷ lệ nợ/tổng nguồn vốn	X7
Rủi ro KD	Độ lệch chuẩn doanh thu	X8
Thời gian hoạt động	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp	X9

*Nguồn: Tác giả tự tổng hợp*

Dựa vào báo cáo tài chính (bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính) đã được kiểm toán của các doanh nghiệp xanh được công bố trên website, tác giả thu thập số liệu về tình hình tài chính của top 10 doanh nghiệp xanh niêm yết trên được VCCI bình chọn từ năm 2018 đến năm 2020. Tác giả tiến hành tính toán các chỉ tiêu liên quan đến hiệu quả kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng sau đó sử dụng phần mềm EVIEWS để phân tích tương quan và hồi quy, xác định mô hình ảnh hưởng của các nhân tố [4].

**Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy bội bằng mô hình Pooled OLS**

Dependent Variable: ROA

Method: Least Squares

Date: 09/30/21 Time: 12:43

Sample: 1 30

Included observations: 30

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	0.992422	0.242510	4.092289	0.0002
X2	0.426528	0.148224	2.877598	0.0065
X3	-0.482953	0.150912	-3.200241	0.0027
X6	-0.120267	0.048148	-2.497873	0.0168
X7	-0.696940	0.257416	-2.707446	0.0100
X9	0.002313	0.000809	2.860043	0.0068
R-squared	0.613612	Mean dependent var		0.030103
Adjusted R-squared	0.564075	S.D. dependent var		0.040055
S.E. of regression	0.026446	Akaike info criterion		-4.303859
Sum squared resid	0.027276	Schwarz criterion		-4.062971
Log likelihood	102.8368	Hannan-Quinn criter.		-4.214058
F-statistic	12.38694	Durbin-Watson stat		1.728874
Prob(F-statistic)	0.000000			

*Nguồn: Tác giả tự tổng hợp*

Kết quả nghiên cứu cho thấy, với mức ý nghĩa  $\alpha = 0,05$  (hệ số prob), các biến X2, X3, X6, X7, X9 có ý nghĩa thống kê. Giá trị  $R^2 = 61,36\%$  cho biết mô hình giải thích được 61,36% sự biến động của hiệu quả sử dụng Vốn kinh doanh được đại diện qua tỷ suất sinh lời từ tài sản ROA. Kết quả hồi quy cũng cho thấy rằng quy mô doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng có mối quan hệ tỷ lệ thuận với hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh, trong khi đó cơ cấu vốn được đo lường qua tỷ lệ nợ có mối quan hệ tỷ lệ nghịch với hiệu quả sử dụng vốn kinh

doanh.

Tóm lại, kết quả hồi quy mô hình về hướng tác động của 5 nhân tố: quy mô doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp, đầu tư tài sản cố định, cơ cấu vốn và thời gian hoạt động đến hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp, với mức độ tác động khác nhau. Mô hình nghiên cứu xây dựng được là:

$$ROA = 0,992422 + 0,426528 * X_2 - 0,482953 * X_3 - 0,120267 * X_6 - 0,696940 * X_7 + 0,002313 * X_9$$

Biến lớn	Biến nhỏ	Biến	GT	PT thống kê	PT hồi quy
Quy mô doanh thu	Logarit tự nhiên doanh thu thuần	X1	+	Chưa xác định	Không ảnh hưởng
	Logarit tự nhiên tổng tài sản	X2	+	Chưa xác định	+
	Logarit tự nhiên vốn chủ sở hữu	X3	+	-	-
Tốc độ tăng trưởng	Tốc độ tăng trưởng doanh thu	X4	+	+	Không ảnh hưởng
	Tốc độ tăng trưởng tài sản	X5	+	+	Không ảnh hưởng
Đầu tư TSCĐ	Tỷ lệ TSCĐ/TTS	X6	-	Chưa xác định	-
Cơ cấu vốn	Tỷ lệ nợ/tổng nguồn vốn	X7	+/-	+	-
Rủi ro kinh doanh	Logarit tự nhiên độ lệch chuẩn doanh thu thuần	X8	+/-	-	Không ảnh hưởng
Thời gian hoạt động	Thời gian hoạt động của doanh thu	X9	+	Chưa xác định	+
Tỷ suất sinh lời tài sản	ROA	Y			

### Kết quả đạt được

Các doanh nghiệp đã áp dụng việc tăng chi phí để tiết giảm số thuế phải nộp. Tuy nhiên các doanh nghiệp cần phải đạt được sự ổn định về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Hệ số thanh toán bằng tiền cũng được cải thiện, tuy nhiên đây là một hệ số khá phức tạp, nâng cao hệ số này là một việc nên làm nhưng để tồn đọng lượng vốn bằng tiền lớn cũng gây nhiều khó khăn cho việc lưu chuyển vốn của doanh nghiệp. Do đó, duy trì một hệ số hợp lý là một vấn đề doanh nghiệp cần lưu ý.

### Một số hạn chế

Doanh nghiệp chưa tạo được bước tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ trong vòng 3 năm gần đây. Mặc dù các doanh nghiệp đã có những chính sách khá đúng đắn để thích nghi với sự biến động của thị trường như: giãn nợ cho khách hàng, giảm hàng tồn kho khi nền kinh tế suy thoái, hay tăng cường tỷ trọng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết...

Tỷ trọng của nợ phải trả trong tổng nguồn vốn vẫn ở mức cao, các doanh nghiệp vẫn giữ nguyên việc sử dụng nợ để tài trợ chứ không

sử dụng vốn tự có để tài trợ cho các quyết định đầu tư dài hạn. Đây là một chính sách chưa thực sự đúng đắn, đặc biệt là trong thời điểm nền kinh tế suy thoái, việc sử dụng đòn bẩy tài chính gây ra nhiều rủi ro hơn là cơ hội.

Tuy hệ số khả năng sinh lời của doanh nghiệp có biến động nhẹ nhưng xét cục diện thì hệ số này vẫn chưa phải là tốt, do đó doanh nghiệp cần tiếp tục cải thiện hệ số này.

#### **4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH TẠI MỘT SỐ DOANH NGHIỆP XANH NIÊM YẾT**

Kết quả phân tích hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh và kết quả phân tích của mô hình hồi quy cho thấy rằng các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại doanh nghiệp bao gồm: Quy mô doanh nghiệp (đại diện bởi biến Tổng tài sản, Vốn chủ sở hữu), Tốc độ tăng trưởng (đại diện bởi biến Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần), Cơ cấu vốn (đại diện bởi biến tỷ lệ nợ), Rủi ro kinh doanh và Thời gian hoạt động của doanh nghiệp. Từ đó tập trung đề xuất một số kiến nghị liên quan đến tỷ lệ nợ và doanh thu thuần, lợi nhuận của các doanh nghiệp vì đây là các chỉ tiêu chính liên quan đến các nhân tố tác động vào hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

*Một là, Xây dựng cơ cấu vốn hợp lý.* Kết quả hồi quy cho thấy tỷ lệ nợ và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp có mối quan hệ nghịch chiều. Do đó, để gia tăng hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của mình, doanh nghiệp cần hạn chế sử dụng nợ để tài trợ cho các hoạt động của mình. Thay vào đó, doanh nghiệp có thể sử dụng các hình thức huy động vốn khác như: Phát hành thêm cổ phiếu: cho nhân viên, cho các cổ đông hiện hữu hoặc phát hành rộng rãi trên thị trường chứng khoán; thuê tài chính: việc cấp tín dụng dưới hình thức cho thuê tài chính không đòi hỏi sự bảo đảm tài sản có

trước, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận hình thức cấp tín dụng mới, vừa giúp doanh nghiệp tránh được những rủi ro do sự thay đổi của khoa học, kỹ thuật; Huy động vốn từ các quỹ đầu tư.

*Hai là, Đẩy mạnh phát triển doanh thu.* Muốn phát triển doanh thu, trước hết doanh nghiệp cần tạo cho mình nhiều cơ hội để được hợp tác với khách hàng. Từ đó việc xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp là một yêu cầu tất yếu. Để xây dựng thương hiệu cho mình, mỗi doanh nghiệp cần có các giải pháp để nâng cao năng lực kinh doanh và phát triển uy tín của mình. Cụ thể: đảm bảo chất lượng hàng hóa bán ra, minh bạch hóa các thông tin của công ty.

*Ba là, Nâng cao khả năng sinh lời của doanh thu* [1]. Lợi nhuận phụ thuộc rất nhiều vào hai yếu tố doanh thu và chi phí. Vì vậy để gia tăng lợi nhuận doanh nghiệp cần tăng doanh thu tiêu thụ và hạ giá thành sản xuất. Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả: đây là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Phương án kinh doanh được xây dựng phải khả thi, phù hợp với tình hình thị trường, khai thác hết lợi thế tiềm năng, điểm mạnh của doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả việc sử dụng vốn, để đạt được lợi nhuận tối đa.

*Bốn là, Nâng cao khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu.* Qua phân tích ta thấy khả năng tự tài trợ của doanh nghiệp là rất thấp, doanh nghiệp không thể chủ động đáp ứng nhu cầu về nguồn vốn cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Điều này phản ánh sự mất ổn định về tài chính của doanh nghiệp trong những năm tài chính vừa qua và trong tương lai gần. Doanh nghiệp cần có biện pháp làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu, bởi khi nguồn vốn chủ sở hữu tăng doanh nghiệp có

thể chủ động trong việc đảm bảo vốn cho nhu cầu của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và rủi ro về tài chính của doanh nghiệp sẽ giảm, góp phần làm bình ổn tình hình tài chính của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn, ổn định vững chắc trong thị trường cạnh tranh khốc liệt [2].

## **5. KẾT LUẬN**

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp xanh muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi đầu tiên và quan trọng là phải có tiềm

lực tài chính mạnh mẽ để có điều kiện cạnh tranh và tiến hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Mặt khác, theo quá trình phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế hội nhập với khu vực và quốc tế, các quan hệ kinh tế tài chính ngày càng trở nên đa dạng và phong phú. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là phải thường xuyên tiến hành phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến vốn kinh doanh, nhằm làm cho kết quả phân tích ngày càng có tác dụng và trở nên hiệu quả đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Nguyễn Trọng Cơ, Nghiêm Thị Thà. *Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp*. Nhà xuất bản Tài chính, (2015).
- [2] Võ Thị Thanh Thủy, Luận văn thạc sĩ *Phân tích hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty Cổ phần công nghệ phẩm Đà Nẵng*, Trường Đại học Đà Nẵng, (2011).
- [3] Website: [www.cafef.vn](http://www.cafef.vn)
- [4] Khalaf Taani, *The Relationship between Capital Structure and Firm Performance: Evidence from Jordan*, Global Advanced Research Journal, (2013).

---

*Thông tin liên hệ:*    **Lê Mạnh Thắng**

Điện thoại: 0969697999 - Email: [lmthang@uneti.edu.vn](mailto:lmthang@uneti.edu.vn)

Phòng Công tác sinh viên, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.





